

Số: 3737/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Về việc phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 118/TTr-SKHĐT ngày 10/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023 như chi tiết tại các Phụ lục số 01, 02 đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa và Thể thao, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện: Hoài Ân, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP TH;
- Lưu VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ							
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			-5.736,000	-939,098			
+	Huyện Vân Canh			-5.193,000	-445,000			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			-3.000,000	-405,000			
1	Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp	3.000,000	405,000	-3.000,000	-405,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			-1.900,000	0,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			-1.900,000	0,000			
	Xã Canh Hòa			-600,000	0,000			
1	Công trình: Nâng cấp đường BTXM, cống bi thoát nước từ làng Hòn Mè đi làng Canh Lãnh xã Canh Hòa	1.998,000	270,000	-600,000	0,000	1.398,000	270,000	
	Xã Canh Thuận			-1.300,000	0,000			
1	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lui đến thị trấn (HM: BTXM mặt đường và rãnh thoát nước)	2.000,000	270,000	-1.300,000	0,000	700,000	270,000	
III	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			-293,000	-40,000			
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			-293,000	-40,000			
	Huyện Vân Canh	293,000	40,000	-293,000	-40,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
+	Huyện Vĩnh Thạnh			-298,000	-79,098			

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			0,000	-39,098			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			0,000	-39,098			
	Xã Vĩnh Hiệp			0,000	-39,098			
1	Mường tiêu từ Bầu thủy đến nhà bà Quý	1.000,000	135,000	0,000	-39,098	0,000	-39,098	
II	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			-298,000	-40,000			
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			-298,000	-40,000			
	Huyện Vĩnh Thạnh	298,000	40,000	-298,000	-40,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
+	Huyện Tây Sơn			-60,000	-6,000			
I	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			-60,000	-6,000			
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			-60,000	-6,000			
	Huyện Tây Sơn	60,000	6,000	-60,000	-6,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
+	Liên minh Hợp tác xã tỉnh			-185,000	-28,000			
I	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			-185,000	-28,000			
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			-185,000	-28,000			
	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	185,000	28,000	-185,000	-28,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
+	Sở Văn hóa và Thể thao			0,000	-381,000			
I	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			0,000	-381,000			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Gộp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	0,000	381,000	0,000	-381,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			5.736,000	939,098			
+	Huyện Hoài Ân			3.000,000	570,098			
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			0,000	255,098			
	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung			0,000	255,098			
1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch tự chảy xã ĐakMang	2.000,000	105,000	0,000	255,098	2.000,000	360,098	
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			3.000,000	315,000			
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	3.000,000	315,000	3.000,000	315,000	6.000,000	630,000	
+	Huyện Vĩnh Thạnh			2.736,000	369,000			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			2.736,000	369,000			
1	Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	5.000,000	675,000	2.736,000	369,000	7.736,000	1.044,000	

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ							
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			-8.403,700	-518,179			
+	Huyện Vân Canh			-5.060,000	0,000			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			-5.060,000	0,000			
1	Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp	5.060,000	0,000	-5.060,000	0,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
+	Huyện Vĩnh Thạnh			-899,729	-114,179			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			-899,729	-114,179			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			-899,729	-114,179			
	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệt)			0,000	-25,179			
1	Làm mới đường vào nghĩa địa thôn Tà Điệt	204,000	28,000	0,000	-25,179	204,000	2,821	
	Xã Vĩnh Hòa			-100,000	0,000			
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến Sông Kôn	169,000	23,000	-100,000	0,000	69,000	23,000	
	Xã Vĩnh Kim			-219,955	-8,000			
1	Mở đường sản xuất từ nhà ông Đinh Ngheo đến rừng ma suối nước Dơi	56,000	8,000	-56,000	-8,000	0,000	0,000	
2	Mở đường sản xuất từ nhà giá Tim đến rẫy Phiên A	204,000	28,000	-163,955	0,000	40,045	28,000	

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
	Xã Vĩnh Sơn			-362,000	-49,000			
1	Đường từ nhà bá Khuom đến ruộng mí Nham	175,000	24,000	-175,000	-24,000	0,000	0,000	Hết KL
2	Đường từ nhà bá Khoan đến ruộng giá Roih	187,000	25,000	-187,000	-25,000	0,000	0,000	Hết KL
	Xã Vĩnh Thuận			-217,774	-32,000			
1	Đường từ rẫy ông Đình Văn Chát đi vào khu sản xuất làng 7 xã Vĩnh Thuận	237,000	32,000	-217,774	-32,000	19,226	0,000	Hết KL
+	Huyện Hoài Ân			-33,671	-34,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	72,000	10,000	-33,671	-34,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			-33,671	-34,000			
	Cầu bản tại đồng Nhà Mười	114,000	12,000	0,000	-12,000	114,000	0,000	Đã quyết toán
	Cống dẫn nước đồng Nhà Mười	211,000	22,000	-33,671	-22,000	177,329	0,000	Đã quyết toán
+	Huyện Tây Sơn			-120,300	-26,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	72,000	10,000	-120,300	-26,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			-120,300	-26,000			
	Từ nhà ông Đình Sâu đến núi Mìn lin	247,000	26,000	-120,300	-26,000	126,700	0,000	Đã quyết toán
+	Sở Văn hóa và Thể thao			-2.290,000	-344,000			

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
I	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			-2.290,000	-344,000			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Gộp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	2.290,000	344,000	-2.290,000	-344,000	0,000	0,000	chưa phê duyệt DA
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			8.403,700	518,179			
+	Huyện Vân Canh			200,000	0,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			200,000	0,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			200,000	0,000			
	Xã Canh Liên			200,000	0,000			
1	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba Hà Giao đến Kà Nâu (giai đoạn 1)	1.777,000	240,000	200,000	0,000	1.977,000	240,000	
+	Huyện Vĩnh Thạnh			4.519,729	332,179			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			2.000,000	48,902			
1	Dự án định canh, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	5.636,000	761,000	2.000,000	48,902	7.636,000	809,902	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			2.519,729	283,277			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			2.519,729	283,277			
	Xã Vĩnh Hảo (Thôn Tà Điệt)			0,000	25,179			

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
1	Xây dựng tường rào nhà văn hóa, sân bóng đá mini thôn Tà Điek	139,000	19,000	0,000	25,179	139,000	44,179	
	<i>Xã Vĩnh Hiệp</i>			<i>0,000</i>	<i>39,098</i>			
1	BTXM đường từ đường ĐH29 đến Đất Tranh, xã Vĩnh Hiệp	1.399,000	189,000	0,000	39,098	1.399,000	228,098	
	<i>Xã Vĩnh Hòa</i>			<i>100,000</i>	<i>0,000</i>			
1	Nâng cấp, cấp phối đường giao thông nội đồng	1.213,000	164,000	100,000	0,000	1.313,000	164,000	
	<i>Xã Vĩnh Sơn</i>			<i>362,000</i>	<i>49,000</i>			
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	72,000	10,000	362,000	49,000	434,000	59,000	
	<i>Xã Vĩnh Thịnh</i>			<i>970,000</i>	<i>130,000</i>			
1	BTXM đường từ bể nước sạch đến khu sản xuất M2	300,000	41,000	488,000	65,000	788,000	106,000	
2	BTXM đường từ cuối làng đến khu sản xuất thôn M3	206,000	28,000	482,000	65,000	688,000	93,000	
	<i>Xã Vĩnh Thuận</i>			<i>200,000</i>	<i>32,000</i>			
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư các làng	750,000	101,000	200,000	32,000	950,000	133,000	
	<i>Xã Vĩnh Kim</i>			<i>237,729</i>	<i>8,000</i>			
1	BTXM đường giao thông các thôn	1.912,000	258,000	237,729	8,000	2.149,729	266,000	
	<i>Thị trấn Vĩnh Thạnh (Khu phố Kon Kring và Khu phố Klot Pok)</i>			<i>650,000</i>	<i>0,000</i>			
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư	500,000	68,000	650,000	0,000	1.150,000	68,000	
+	<i>Huyện Hoài Ân</i>			<i>2.183,971</i>	<i>134,000</i>			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			2.150,000	100,000			
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	0,000	0,000	2.150,000	100,000	2.150,000	100,000	

TT	Tên danh mục	Kế hoạch trước điều chỉnh		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh		Ghi chú
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	72,000	10,000	33,971	34,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			33,971	34,000			
	Xã Ân Sơn			33,971	34,000			
1	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học ĐakMang (điểm Ân Sơn), Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và tường rào, cổng ngõ	500,000	53,000	33,971	34,000	533,971	87,000	
+	Huyện Tây Sơn			1.500,000	52,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	72,000	10,000	1.500,000	52,000			
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN			1.500,000	52,000			
	Xã Vĩnh An			500,000	26,000			
1	Trường PTDT bán trú Tây Sơn; hạng mục nhà bộ môn 2 tầng, 04 phòng	0,000	0,000	500,000	26,000	500,000	26,000	
	Xây dựng, cải tạo chợ vùng DTTS&MN			1.000,000	26,000			
1	Xây dựng Chợ xã Vĩnh An	1.007,000	106,000	1.000,000	26,000	2.007,000	132,000	